

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 7 - 2025

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hồng Hải

Ông Hoàng Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Trúc Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2025/QĐXXST-DS ngày 20/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2025 và Thông báo về việc thay đổi lại thời gian mở phiên tòa số 79/2025/TB-TA ngày 19/6/2025, 08/7/2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Phan Thị Ngọc T, sinh năm: 1988, địa chỉ: K T, Tổ C phường T (cũ là phường T, quận T), thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn C sinh năm: 1982, địa chỉ: Đường Y, Tổ B phường T (cũ là phường T, quận T), thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phan Thị Ngọc T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn C kết hôn với nhau vào tháng 3/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T (cũ là phường T, quận T), thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà ông C; vợ chồng bà đã chung sống được 10 năm. Sau khi kết hôn và chung sống đến nay hai bên đã không còn hạnh phúc và tiếng nói chung. Đời sống hôn nhân thường phát sinh mâu thuẫn, hai bên không hợp nhau cả về tư tưởng cũng như cách sống, mặc dù bà đã cố gắng nhưng cuộc sống hôn nhân dần rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn với nhau được nữa. Tháng 01/2023 vợ chồng bà đã ly thân, bà và 02 con đã về nhà ngoại sinh sống. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn C có 02 con chung Nguyễn Phan Bảo Q, sinh ngày 26/5/2015 và Nguyễn Phan Bảo N, sinh ngày 19/12/2016. Ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông Nguyễn Văn C không có.

*** Theo Bản tự khai ngày 18/4/2025, Biên bản hòa giải, bị đơn là ông Nguyễn Văn C trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất như lời trình bày của vợ ông là bà Phan Thị Ngọc T. Ông và bà T kết hôn với nhau vào tháng 3/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T (cũ là phường T, quận T), thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà ông với mẹ ông. Trong thời gian chung sống vợ chồng bình thường. Tuy có mâu thuẫn cãi vã nhưng không đáng kể. Khoảng 2-3 năm nay do vợ ông có mâu thuẫn với mẹ ông nên đã dẫn 02 con về nhà ngoại ở đến nay. Ông có thuyết phục, hàn gắn nhưng vợ ông không về, kể cả việc ra ở riêng nhưng vợ ông không đồng ý. Vì vậy, ông không đồng ý ly hôn với vợ ông mà muốn vợ cho ông một cơ hội chung sống để ông có điều kiện chăm sóc vợ con, chung sống cùng vợ con.

- Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung Nguyễn Phan Bảo Q, sinh ngày 26/5/2015 và Nguyễn Phan Bảo N, sinh ngày 19/12/2016.

Trường hợp, Tòa án cho vợ ông ly hôn thì ông đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Phan Bảo N, còn vợ ông nuôi cháu Nguyễn Phan Bảo Q và không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung: Ông và bà T không có.

- Về nợ chung: Ông và bà T không có.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng:**

- Về thủ tục tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc T về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" đối với ông Nguyễn Văn C.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

+ Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Phan Bảo Q, sinh ngày 26/5/2015 và Nguyễn Phan Bảo N, sinh ngày 19/12/2016 cho bà Phan Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và ông Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn C không có nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phan Thị Ngọc T khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn C có địa chỉ cư trú tại phường T, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn C vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn C kết hôn với nhau vào ngày 31/3/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T (cũ là phường T, quận T), thành phố Đà Nẵng; đây là hôn nhân tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối và đảm bảo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà Phan Thị Ngọc T xác nhận trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau cả về tư tưởng cũng như cách sống, mặc dù bà T đã cố gắng nhưng cuộc sống hôn nhân dần rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn với nhau được nữa. Từ tháng 01/2023 bà T đã ly thân với ông C.

Theo Biên bản xác minh ngày 23/4/2025 tại địa phương nơi cư trú xác nhận ông C đang sinh sống tại Tổ 27 phường T (cũ là phường T, quận T), quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, vợ chồng ông C và bà T có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nên đã sống ly thân và chỉ có ông C với mẹ ông sinh sống tại địa chỉ này, còn bà T và 02 cháu Nguyễn Phan Bảo Q, Nguyễn Phan Bảo N sinh sống ở bên ngoại tại Tổ 34 phường T (cũ là phường T, quận T), thành phố Đà Nẵng. Quá trình giải quyết vụ án, ông C trình bày ông không đồng ý ly hôn với vợ ông mà muốn vợ cho ông một cơ hội chung sống để ông có điều kiện chăm sóc vợ con, chung sống cùng vợ con nhưng bà T khẳng định đã hết tình cảm với ông C và bà T giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông C.

Hội đồng xét xử thấy hôn nhân giữa bà T và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được, bà T và ông C đã sống ly thân. Việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Bà Phan Thị Ngọc T xác nhận bà và ông Nguyễn Văn C có 02 con chung là Nguyễn Phan Bảo Q, sinh ngày 26/5/2015 và Nguyễn Phan Bảo N, sinh ngày 19/12/2016. Theo Bản tự khai ngày 21/4/2025 thì 02 cháu Nguyễn Phan Bảo Q, Nguyễn Phan Bảo N có nguyện vọng ở với bà T. Và phù hợp với

Biên bản xác minh nêu trên hai cháu đang sinh sống với bà T ở bên nhà ba mẹ bà T. Do đó, mặc dù ông C có ý kiến đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Phan Bảo N, còn bà T nuôi cháu Nguyễn Phan Bảo Q và không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Nhưng Hội đồng xét xử căn cứ vào Bản tự khai của 02 cháu và Biên bản xác minh nêu trên nên giao 02 con chung Nguyễn Phan Bảo Q và Nguyễn Phan Bảo N cho bà Phan Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và ông Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn C không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc T phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” đối với ông Nguyễn Văn C.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao con chung 02 con chung Nguyễn Phan Bảo Q, sinh ngày 26/5/2015 và Nguyễn Phan Bảo N, sinh ngày 19/12/2016 cho bà Phan Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và ông Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn C không có.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Phan Thị Ngọc T phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0006235 ngày 14/3/2025 tại

Chi cục Thi hành án dân sự quận T (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng). Bà Phan Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 29/7/2025. Bị đơn ông Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự khu thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường T, thành phố Đà Nẵng;
- (Giấy CNKH số 32 ngày 31/3/2014)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hậu